TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 256/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29/8/2025
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Hà Thiên Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Đinh Hoàng Việt

2/ Bà Huỳnh Thị Lệ Quyên

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Hoàng Thị Trang – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 522/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2024 về việc tranh chấp về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 177/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 58/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2025, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Phương M, sinh ngày 12/7/1977

Căn cước số: 075177000034 cấp ngày 06/12/2022

Thường trú: D C, Phường A, Quận A (nay là phường H), Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Đào Trọng H, sinh ngày 12/6/1965

Căn cước số: 079065000804 cấp ngày 11/5/2023

Thường trú: D C, Phường A, Quận A (nay là phường H), Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21/11/2024, cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương M trình bày: Bà và ông Đào Trọng H tự nguyện chung sống năm 2002, đến năm 2011 bà và ông H mới đăng ký kết

hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận A (nay là phường H), Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 133/2011, cấp ngày 24/9/2011.

Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, sau đó cả hai thường xảy ra mâu thuẫn do không có tiếng nói chung, bà và ông không có công việc ổn định, không lo được cho các con. Bà đã cố gắng nhưng không thể hàn gắn được, bà và ông H đã ly thân từ năm 2020 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể tiếp tục chung sống với nhau, vì vậy bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đào Trọng H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà M khai, giữa bà và ông H chung sống có hai người con chung tên Đào Thụy Phương L, sinh ngày 30/7/2006 và Đào Thụy Phương T, sinh ngày 02/9/2002; các con chung đã thành niên.

Về tài sản chung: Bà M khai không có.

Về nợ chung: Bà M khai không có.

Ngày 12/6/2025, bà M có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Tòa án tống đạt thông báo thụ lý, các văn bản tố tụng khác cho ông H nhưng ông H vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời khai của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp giữa bà M và ông H là "Tranh chấp về ly hôn". Bị đơn là ông Đào Trọng H có địa chỉ cư trú tại phường H, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử xét xử căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà M

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông H

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

- Xét yêu cầu xin ly hôn:

Luật hôn nhân và gia đình quy định: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các

công việc của gia đình. Tuy nhiên giữa bà M và ông H thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không có tiếng nói chung, không chung tay chăm lo cuộc sống gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông H đã được Tòa án tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án và có ý kiến không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được lý do không đồng ý ly hôn và Tòa án tống đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông H không có mặt để Tòa án hòa giải. Như vậy, ông H cũng không có ý muốn hòa giải để vợ chồng hàn gắn với nhau. Ngoài ra, hiện tại bà M, ông H vẫn tiếp tục sống ly thân, như vậy, cho thấy mục đích hôn nhân của bà M và ông H không đạt được. Ông H cũng không còn quan tâm, thiết tha đến cuộc sống hôn nhân gia đình, tình cảm vợ chồng giữa bà M và ông H không còn khả năng đoàn tụ nên yêu cầu xin ly hôn của bà M là có căn cứ.

- Về con chung: Bà M và ông H có 02 người con chung tên Đào Thụy Phương L, sinh ngày 30/7/2006 và Đào Thụy Phương T, sinh ngày 02/9/2002; các con chung đã thành niên.

- Về tài sản chung: Bà M khai không có.

- Về nợ chung: Bà M khai không có.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà M phải chịu án phí về Hôn nhân gia đình theo quy định tại điểm khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

- Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025;

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 1, Điều 5 và Điều 6 của Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Toà án nhân dân

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Phương M

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Phương M được ly hôn với ông Đào Trọng H.

- Về con chung: Bà M và ông H có 02 người con chung tên Đào Thụy Phương L, sinh ngày 30/7/2006 và Đào Thụy Phương T, sinh ngày 02/9/2002; các con chung đã thành niên.

- Về tài sản chung: Bà M khai không có.

- Về nợ chung: Bà M khai không có.

- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, bà M chịu nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 0075021 ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Thi hành án dân sự Thành phố H). Bà M đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND KV4 TP.HCM;
- THADS TP. HCM;
- UBND phường Hòa Hưng, TP. Hồ Chí Minh (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Hà Thiên Tâm